

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: /SVHTTDL-QLTDTT
V/v thống kê, cung cấp số liệu về cơ sở
vật chất, thiết chế thể dục thể thao; số người
tập luyện thể dục thể thao thường xuyên
và gia đình thể thao.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

Để theo dõi, tổng hợp thống kê cơ sở vật chất thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; phục vụ công tác theo dõi, báo cáo và tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển Thể dục thể thao giai đoạn 2026-2030; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thống kê, cung cấp số liệu về cơ sở vật chất, thiết chế thể dục thể thao; số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên và gia đình thể thao trên địa bàn mình quản lý, theo phụ lục gửi kèm.

(có các phụ lục gửi kèm theo)

Phụ lục thống kê gửi về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch **trước ngày 15/8/2025** (qua Phòng Quản lý thể dục thể thao. Liên hệ đồng chí Phạm Thế Nhân, điện thoại 0982102180)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, QLTDTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Liên Phương

ĐƠN VỊ:.....

Phụ lục 1

THỐNG KÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT THỂ DỤC THỂ THAO

TT	Tên công trình thể thao	Tổng số	Có khán đài	Đầu tư công	Công trình xã hội hoá (tư nhân)	Ghi chú
1	Sân vận động (sân 11 người)					
2	Sân bóng đá Mini					
3	Sân bóng chuyên					
4	Sân cầu lông					
5	Sân quần vợt					
6	Sân PickLeball					
7	Sân bóng rổ					
8	Nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng					
9	Nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn					
10	Bể bơi có chiều dài 50 mét					
11	Bể bơi có chiều dài 25 mét					
12						
13	<i>Các công trình thể thao khác...</i>					
14						

ĐƠN VỊ:.....

Phụ lục 2

THỐNG KÊ DÂN SỐ, HỘ GIA ĐÌNH

SỐ NGƯỜI TẬP LUYỆN TDTT THƯỜNG XUYÊN, SỐ GIA ĐÌNH THỂ THAO

TT	Nội dung	Số liệu đến thời điểm tháng 8/2025
I	Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	
1	Tổng số dân trên địa bàn	
2	Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	
3	Tỷ lệ % = (Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên/ tổng số dân trên địa bàn) x 100 (%)	
II	Số gia đình thể thao	
1	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn	
2	Tổng số gia đình thể thao	
3	Tỷ lệ % = (Tổng số gia đình thể thao/ tổng số hộ gia đình trên địa bàn) x 100 (%)	

ĐƠN VỊ:.....

Phụ lục 3

**Cán bộ làm công tác Thể dục thể thao (xã, phường, đặc khu),
cộng tác viên thể thao**

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Cán bộ làm công tác Thể dục thể thao		
2	Số cộng tác viên thể dục, thể thao		

ĐƠN VỊ:.....

Phụ lục 4

Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao
(hoạt động thể dục thể hình, yoga, aerobics, khiêu vũ thể thao,...)

TT	Tên cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao	Địa chỉ	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
.....			

ĐƠN VỊ:.....

Phụ lục 5

Câu lạc bộ thể thao cơ sở

(thống kê những câu lạc bộ đã có quyết định thành lập,
công nhận của UBND xã, phường, đặc khu)

TT	Tên câu lạc bộ thể thao	Địa chỉ	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			